

Số: **279** -QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày **24** tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt 3 năm 2025

-
- Căn cứ Quyết định số 839-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
 - Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 20/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
 - Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ đề nghị của các Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ và biên bản Hội đồng xét tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho học viên cao học khóa 27, 28 và 29 ngày 23/09/2025;
 - Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ đợt 3 năm 2025 cho 54 học viên các lớp cao học khóa 27 (2021 - 2023), khóa 28 (2022 - 2024) và khóa 29 (2023 - 2025) của các ngành: Triết học, Kinh tế chính trị, Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng và Báo chí học. (Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Những học viên có tên trong danh sách tốt nghiệp được hưởng mọi quyền lợi quy định trong Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng các khoa/viện đào tạo sau đại học, Trưởng các bộ phận có liên quan và học viên có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Học viện CTQGHCM (b/c);
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 3 NĂM 2025

CÁC LỚP CAO HỌC KHÓA 27 (2021 - 2023), KHÓA 28 (2022 - 2024) VÀ KHÓA 29 (2023 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số **279** -QĐ/HVBCTT- ĐT ngày **24**/09/2025 của Giám đốc Học viện BC&TT)

TT	TT_K	Mã HV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi ĐKKs (tỉnh mới)	Ngành	TBCHT Hệ 4	TBCHT Hệ 10	Điểm bảo vệ	Lớp hành chính
1	1	2888270007	Trần Anh Thư	Nữ	24.04.2000	Ninh Bình	Triết học	3.05	7.48	8.9	Triết học 28.2
2	1	2888240006	Nguyễn Trinh Tú	Nam	06.05.1986	Hà Nội	Kinh tế chính trị	3.24	7.85	8.8	KTCT 28.2
3	1	2888230001	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	10.02.1984	Phú Thọ	Chính trị học	3.42	7.96	8.8	CTPT 28.1
4	2	2988230022	Nguyễn Hữu Bằng	Nam	05.06.2001	Thanh Hóa	Chính trị học	3.47	8.12	9.0	CTPT 29.2
5	1	2988210010	Lê Thị Ly	Nữ	08.09.1990	Hà Nội	Chính trị học	3.45	8.19	9.3	QLXH 29.2
6	2	2988210012	Vũ Đức Minh	Nam	25.01.1994	Hà Nội	Chính trị học	2.82	7.18	8.5	QLXH 29.2
7	3	2988210014	Nguyễn Xuân Thơm	Nam	28.05.1991	Hà Nội	Chính trị học	3.12	7.72	9.2	QLXH 29.2
8	1	2788110020	Phan Thị Minh Sương	Nữ	15.08.1985	Nghệ An	Quan hệ quốc tế	3.17	7.72	8.7	QLHĐĐN 27.2
9	1	2788080019	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	19.06.1996	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.19	7.74	8.8	QTTT 27.2
10	2	2788080029	Nguyễn Ngọc Mai Linh	Nữ	11.09.1999	Hà Nội	Quan hệ công chúng	2.92	7.34	8.1	QTTT 27.2
11	7	2888080019	Ngô Minh An	Nữ	15.11.1999	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.33	7.93	8.6	QTTT 28.2
12	9	2888080021	Lê Châu Anh	Nữ	20.03.1999	Quảng Trị	Quan hệ công chúng	3.17	7.74	8.9	QTTT 28.2
13	5	2888080023	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	12.02.1997	Ninh Bình	Quan hệ công chúng	3.36	8.01	8.9	QTTT 28.2
14	3	2888070012	Nguyễn Huyền Linh	Nữ	15.04.2000	Phú Thọ	Quan hệ công chúng	2.97	7.44	8.8	QTTT 28.2
15	4	2888080034	Phạm Diệp Phương Linh	Nữ	26.12.1999	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.01	7.46	7.2	QTTT 28.2
16	6	2888080035	Phạm Trung Mỹ	Nữ	15.02.1987	Thanh Hóa	Quan hệ công chúng	2.80	7.08	8.8	QTTT 28.2
17	8	2888080046	Hoàng Thanh Xuân	Nữ	15.08.1999	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.20	7.70	8.9	QTTT 28.2
18	13	2988080009	Duy Thu Hằng	Nữ	31.01.2000	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.20	7.78	8.6	QTTT 29.1
19	15	2988080019	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	01.11.1989	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.16	7.77	9.1	QTTT 29.1
20	11	2988080025	Bùi Thu Phương	Nữ	26.04.2000	Tuyên Quang	Quan hệ công chúng	3.15	7.73	8.5	QTTT 29.1
21	16	2988080029	Trần Phương Thảo	Nữ	08.04.1994	Ninh Bình	Quan hệ công chúng	3.26	7.82	8.8	QTTT 29.1
22	12	2988080031	Trần Minh Thu	Nữ	04.12.1994	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.30	7.80	8.6	QTTT 29.1
23	10	2988080036	Trịnh Minh Trang	Nữ	26.07.2000	Hà Nội	Quan hệ công chúng	2.95	7.30	8.8	QTTT 29.1
24	14	2988080039	Nguyễn Phượng Vỹ	Nữ	11.04.1986	Hà Nội	Quan hệ công chúng	2.99	7.46	8.2	QTTT 29.1
25	17	2988070009	Âu Thanh Thảo	Nữ	11.08.2001	Hà Nội	Quan hệ công chúng	3.50	8.16	9.3	QTTT 29.2
26	1	2888020041	Nguyễn Thị Việt Bắc	Nữ	19.08.2000	Thái Nguyên	Báo chí học	3.00	7.51	9.4	QLBCTT 28.2
27	2	2888020052	Hứa Thị Hường	Nữ	04.08.1992	Thái Nguyên	Báo chí học	3.05	7.54	8.6	QLBCTT 28.2

TT	TT_K	Mã HV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi ĐKKs (tỉnh mới)	Ngành	TBCHT Hệ 4	TBCHT Hệ 10	Điểm bảo vệ	Lớp hành chính
28	3	2888020082	Bùi Thị Vui	Nữ	23.12.1989	Hưng Yên	Báo chí học	3.33	8.05	9.3	QLBCTT 28.2
29	4	2888090021	Vũ Trần Bình	Nam	10.09.2000	Hà Nội	Báo chí học	3.14	7.57	8.5	QLPTTH&BMĐT 28.2
30	5	2988020006	Hoàng Thanh Dương	Nam	06.08.1985	Phú Thọ	Báo chí học	3.10	7.64	9.3	QLBCTT 29.1
31	6	2988020013	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	02.10.1995	Bắc Ninh	Báo chí học	3.09	7.49	6.4	QLBCTT 29.1
32	7	2988020017	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	18.03.1988	Hà Nội	Báo chí học	3.06	7.60	9.2	QLBCTT 29.1
33	8	2988020022	Nguyễn Thị Hải Ninh	Nữ	31.03.1987	Quảng Ninh	Báo chí học	3.13	7.71	9.1	QLBCTT 29.1
34	9	2988020024	Phan Thái Sơn	Nam	15.03.1977	Quảng Ngãi	Báo chí học	3.13	7.69	8.8	QLBCTT 29.1
35	10	2988020026	Chu Thị Phương Thảo	Nữ	18.11.1988	Hải Phòng	Báo chí học	3.27	7.72	9.3	QLBCTT 29.1
36	11	2988020027	Mạc Phương Thảo	Nữ	03.08.1994	Quảng Ninh	Báo chí học	3.13	7.65	8.6	QLBCTT 29.1
37	12	2988020029	Trịnh Anh Thư	Nữ	30.09.1988	Hà Nội	Báo chí học	3.05	7.16	8.6	QLBCTT 29.1
38	13	2988020031	Võ Thị Hương Thủy	Nữ	04.07.1993	Hà Nội	Báo chí học	3.22	7.80	8.0	QLBCTT 29.1
39	14	2988020034	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	05.09.1988	Phú Thọ	Báo chí học	3.10	7.72	8.7	QLBCTT 29.1
40	15	2988020036	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	14.07.1986	Hưng Yên	Báo chí học	2.97	7.33	8.6	QLBCTT 29.1
41	16	2988020044	Trần Mỹ Hương Diệp	Nữ	02.04.1983	Phú Thọ	Báo chí học	3.19	7.74	9.1	QLBCTT 29.2
42	17	2988020051	Lê Hương Hiền	Nữ	01.04.1992	Hà Nội	Báo chí học	2.97	7.36	9.1	QLBCTT 29.2
43	18	2988020055	Nguyễn Thị Minh Huệ	Nữ	27.09.1978	Thanh Hóa	Báo chí học	3.14	7.64	9.5	QLBCTT 29.2
44	19	2988020062	Phan Thùy Linh	Nữ	20.10.2001	Hà Nội	Báo chí học	2.98	7.40	9.3	QLBCTT 29.2
45	20	2988020068	Nguyễn Đình Nghĩa	Nam	05. 11. 1978	Thanh Hóa	Báo chí học	3.08	7.52	9.1	QLBCTT 29.2
46	21	2988020069	Hồ Anh Minh Nhật	Nam	30.07.1998	Hải Phòng	Báo chí học	2.97	7.36	8.0	QLBCTT 29.2
47	22	2988020070	Cao Thị Oanh	Nữ	20.10.1985	Nghệ An	Báo chí học	3.18	7.75	9.0	QLBCTT 29.2
48	23	2988020073	Nguyễn Đức Thế	Nam	19.12.1982	Ninh Bình	Báo chí học	3.05	7.55	9.4	QLBCTT 29.2
49	24	2988020075	Lê Công Thọ	Nam	15.12.1983	Phú Thọ	Báo chí học	2.92	7.31	9.2	QLBCTT 29.2
50	25	2988090019	Trần Văn Đàm	Nam	10.02.1982	Ninh Bình	Báo chí học	3.01	7.50	8.6	QLPTTH&BMĐT 29.2
51	26	2988090023	Đỗ Thị Phương Hạnh	Nữ	15.12.1991	Ninh Bình	Báo chí học	3.13	7.70	8.7	QLPTTH&BMĐT 29.2
52	27	2988090043	Tô Phương Thảo	Nữ	25.05.2000	Hải Phòng	Báo chí học	3.03	7.48	8.5	QLPTTH&BMĐT 29.2
53	28	2988090044	Nguyễn Hồng Thúy	Nữ	04.04.2001	Phú Thọ	Báo chí học	3.21	7.84	8.5	QLPTTH&BMĐT 29.2
54	29	2988090051	Lê Hà Vy	Nữ	17.01.2001	Quảng Trị	Báo chí học	3.23	7.75	8.5	QLPTTH&BMĐT 29.2

Tổng số trong danh sách 54 người./

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Trần Văn Thư



GIAM ĐOC

Phạm Minh Sơn